

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08 /2014/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 14 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý và thực hiện Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư đến năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư đến năm 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-UBND-BTC ngày 27/12/2013 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 18/TTr-BDT ngày 11/4/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý và thực hiện Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

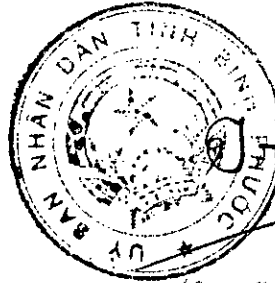
Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- VPCP, UBND, Bộ KHĐT, Bộ TC;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT. TƯ, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Như Điều 2;
- LĐVP, các Phòng, TT.TH-CB;
- Lưu: VT(Ng.QĐ07). 130

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trăm

QUY ĐỊNH

Về quản lý và thực hiện Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2014/QĐ-UBND ngày 14 / 5 /2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng cho chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) còn du canh, du cư thuộc vùng khó khăn quy định tại Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Hộ đồng bào DTTS sống du canh, du cư, có đủ 3 tiêu chí sau:

1. Không có đất sản xuất ổn định thuộc quyền sử dụng của hộ theo quy định của Nhà nước.

2. Nơi ở không ổn định, di chuyển chỗ ở theo nương rẫy hoặc đang sinh sống tách biệt, rải rác thành các nhóm nhỏ, xa điểm tập trung; thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ đời sống và sinh hoạt (đường giao thông, điện, nước sinh hoạt...)

3. Chưa được hưởng các chính sách hỗ trợ tương tự quy định tại Quyết định số 134/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn; Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg ngày 21/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn; Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

Trường hợp các hộ thụ hưởng các chính sách hỗ trợ tương tự theo các quyết định nêu trên nhưng chưa đảm bảo điều kiện về đất ở, đất sản xuất (theo mức tối thiểu quy định tại Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg) buộc phải tổ chức định canh, định cư thì

chuyển sang đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ thực hiện định canh, định cư, đảm bảo nguyên tắc không được trùng lặp đối tượng và nội dung thụ hưởng chính sách.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Hình thức tổ chức

1. Tổ chức định canh, định cư tập trung: Tổ chức định canh, định cư (ĐCĐC) cho các hộ sinh sống tại các điểm ĐCĐC mới được gọi là điểm ĐCĐC tập trung. Việc quy hoạch địa điểm thực hiện các dự án ĐCĐC tập trung phải phù hợp với quy hoạch bố trí, sắp xếp dân cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quy mô của một điểm ĐCĐC phải có ít nhất từ 60 hộ trở lên.

2. Tổ chức ĐCĐC xen ghép: tổ chức ĐCĐC cho các hộ về sinh sống xen ghép với các điểm dân cư đã có tại thôn, ấp, được gọi là các điểm ĐCĐC xen ghép.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng

a) Đối với điểm ĐCĐC tập trung: Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu, gồm:

- Bồi thường giải phóng mặt bằng để tạo quỹ đất ở, đất sản xuất.
- San gạt đất ở (tạo nền nhà) cho các hộ đến ĐCĐC.
- Khai hoang tạo quỹ đất sản xuất.
- Xây dựng đường giao thông đến điểm ĐCĐC là đường giao thông nông thôn loại B và đường dân sinh nội vùng tại điểm ĐCĐC (đảm bảo xe máy đi được).
- Điện sinh hoạt: xây dựng công trình điện tới điểm ĐCĐC tập trung.
- Thủy lợi nhỏ phục vụ sản xuất: Việc xác định đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi phải thực sự cần thiết theo nhu cầu thực tế.
- Nước sinh hoạt: Tùy vào điều kiện tình hình thực tế của vùng dự án, chủ đầu tư xác định hình thức đầu tư cho phù hợp, đảm bảo nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho các hộ dân (bao gồm: xây dựng các công trình giếng nước tập trung; hoặc xây dựng các giếng đào, xây dựng các công trình xử lý nước sinh hoạt tập trung).
- Giáo dục: Nếu điểm ĐCĐC xa khu dân cư, không kết hợp sử dụng chung với hệ thống giáo dục hiện có của địa phương thì được hỗ trợ xây dựng lớp học, nhà mẫu giáo đầu tư đồng bộ, trang thiết bị bàn ghế học tập, điện, nước sinh hoạt, nhà vệ sinh, phòng ở giáo viên.
- Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, ấp.
- Một số công trình thiết yếu khác theo nhu cầu thực tế.

Căn cứ vào điều kiện thực tế, các quy định và đơn giá hiện hành tại địa phương, UBND các huyện chỉ đạo thực hiện việc lập dự án ĐCĐC chi tiết cho phù hợp, xác định rõ nội dung đầu tư; lựa chọn công trình, quy mô công trình phải thực sự cần thiết mới đầu tư; đảm bảo việc đầu tư mang lại hiệu quả thiết thực.

b) Đối với điểm ĐCĐC xen ghép: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho ngân sách xã với mức hỗ trợ là 20 triệu đồng/hộ (sử dụng vào các việc: bồi thường đất ở, đất sản xuất cho hộ dân sở tại bị thu hồi đất để giao cho hộ ĐCĐC theo chế độ quy định; trường hợp còn dư, số kinh phí này được sử dụng để bổ sung cho nguồn kinh phí đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu của xã).

c) Hỗ trợ nhân viên (người lao động) phát triển cộng đồng tại các điểm ĐCĐC tập trung, gồm: 01 cán bộ y tế và 01 nhân viên khuyến nông, khuyến lâm; mức hỗ trợ hàng tháng cho một người tương đương mức lương bậc 01 của ngạch cán bộ, công chức quy định tại các Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004, Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 và Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. Thời gian hỗ trợ là 03 năm, tính từ khi các hộ dân về điểm ĐCĐC tập trung mới.

- Nhiệm vụ cụ thể của từng nhân viên (hoặc của người được hợp đồng)

+ Nhân viên y tế: Phải đảm bảo thực hiện công tác khám, chữa bệnh, sơ cấp cứu ban đầu cho người dân trong điểm ĐCĐC; hướng dẫn người dân cách phòng chống các dịch bệnh; tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện việc ăn uống hợp vệ sinh; thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của chính quyền địa phương.

+ Nhân viên khuyến nông, khuyến lâm: Xây dựng phương án sản xuất cho điểm định canh, định cư; hướng dẫn việc thực hiện công tác khuyến nông, khuyến lâm; hướng dẫn cách thức tổ chức sản xuất cho các hộ dân trong ĐCĐC; giới thiệu giống vật nuôi - cây trồng có năng suất, có giá trị kinh tế cao, phù hợp tập quán sản xuất của bà con vùng dự án để các hộ dân phát triển sản xuất và sớm ổn định cuộc sống; thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của chính quyền địa phương.

d) Hỗ trợ kinh phí áp dụng khoa học kỹ thuật, đưa giống mới vào sản xuất 03 năm đầu, mỗi năm 30 triệu đồng/thôn, ấp (điểm ĐCĐC tập trung).

Căn cứ vào tình hình thực tế, nguồn vốn Trung ương hỗ trợ và khả năng đối ứng của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quy định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp.

2. Hỗ trợ trực tiếp cho hộ du canh, du cư thực hiện ĐCĐC

a) Các hộ du canh du cư thực hiện ĐCĐC (gồm cả ĐCĐC tập trung và xen ghép) được giao đất ở, đất sản xuất, diện tích tối thiểu theo mức quy định tại Quyết định/số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn và Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg ngày 31/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg, cụ thể như sau:

- Đất ở: Mức giao diện tích đất ở tối thiểu phải đảm bảo xây dựng được nhà ở theo quy định của Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg và một số công trình phụ khác theo nhu cầu của từng hộ; việc giao đất phải đảm bảo không vượt quá định mức đất ở chung của khu vực nông thôn và thành thị theo quy định của địa phương.

- Đất sản xuất: Mức giao diện tích đất sản xuất tối thiểu cho mỗi hộ đồng bào DTTS du canh thực hiện định canh là 0,5 ha đất nương rẫy hoặc 0,25 ha đất ruộng lúa nước một vụ hoặc 0,15 ha đất ruộng lúa nước hai vụ.

Căn cứ vào quỹ đất được quy hoạch của từng huyện; khả năng lao động và số lao động của từng hộ DTTS ĐCĐC; khả năng ngân sách của từng huyện (có thể lồng ghép nguồn vốn của các chương trình khác, hoặc nguồn vốn huy động được của huyện,...) UBND các huyện có thể xem xét, quyết định giao đất sản xuất cho hộ đồng bào DTTS thực hiện ĐCĐC với mức cao hơn.

b) Hỗ trợ nhà ở, nước sinh hoạt, hỗ trợ lương thực và hỗ trợ phát triển sản xuất

- Làm nhà ở: Hỗ trợ bình quân 25 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 15 triệu đồng, ngân sách địa phương 10 triệu đồng (theo Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 14/01/2014 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thực hiện Đề án Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững cho đồng bào DTTS tỉnh Bình Phước giai đoạn 2014-2015 và định hướng đến năm 2020).

- Mắc điện sinh hoạt, nước sinh hoạt (lắp đặt đường ống nước hoặc xây dựng bể, mua dụng cụ chứa nước,...) và hỗ trợ phát triển sản xuất. Các huyện có kế hoạch dùng kinh phí địa phương hoặc lồng ghép các chương trình, chính sách khác như: Chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ phát triển sản xuất theo Quyết định số 551/QĐ-Tg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ (đối với thôn, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới thuộc diện đầu tư Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015 theo Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc). Mức hỗ trợ do UBND các huyện quy định cụ thể.

- Mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi về ở điểm tổ chức ĐCĐC (theo Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 14/01/2014 của UBND tỉnh).

- Đối với hộ về ĐCĐC được ưu tiên vay vốn phát triển sản xuất theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Đối với hộ đồng bào DTTS được tổ chức ĐCĐC xen ghép trong cộng đồng được hỗ trợ 01 triệu đồng/hộ để tạo nền nhà.

d) Hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi cũ đến nơi ĐCĐC

- Mức hỗ trợ: Xác định theo quãng đường di chuyển thực tế của các hộ và đơn giá phổ biến của loại phương tiện phổ thông tại địa phương.

- Phương thức thực hiện: UBND huyện giao cho các phòng, ban của huyện, phối hợp với UBND các xã tổ chức di chuyển dân theo một trong hai phương thức sau:

+ Ban Quản lý chương trình ĐCĐC tổ chức di chuyển dân.

+ Hỗ trợ trực tiếp cho từng hộ tự di chuyển.

e) Sau khi tổ chức các hộ về nơi ĐCĐC, các hộ được hưởng các chính sách hiện hành như người dân tại chỗ; trong đó đặc biệt ưu tiên cho vay vốn của Ngân hàng

Chính sách xã hội theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 02/2013/TT-UBND ngày 24/6/2013 về hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống.

Điều 5. Nguồn vốn và sử dụng vốn

1. Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 2 của Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-UBND-BTC ngày 27/12/2013 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Tài chính .

2. Ngân sách tỉnh: Đảm bảo chi cho các nhiệm vụ điều tra, khảo sát, lập đề án tổng quan và các dự án ĐCĐC chi tiết trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền các hộ thụ hưởng chính sách di chuyển đến điểm ĐCĐC để sinh sống và đảm bảo việc thực hiện chính sách; đo đạc bản đồ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đối với đất ở cho các hộ đồng bào DTTS được tổ chức thực hiện ĐCĐC. Ngoài ra, ngân sách tỉnh có thể bổ sung thêm để đối ứng với nguồn vốn của Trung ương nhằm thực hiện hiệu quả chính sách ĐCĐC trên địa bàn tỉnh (hỗ trợ thêm để làm nhà ở; hỗ trợ lương thực cho các hộ về điểm ĐCĐC theo Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 14/01/2014 của UBND tỉnh).

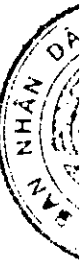
3. Nguồn vốn huy động, lồng ghép từ các Chương trình 135 theo Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013, Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18/12/2013, Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009, Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012, Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013... của Thủ tướng Chính phủ và các dự án khác trên địa bàn tỉnh để thực hiện dự án ĐCĐC.

Điều 6. Lập dự toán và phân bổ vốn

1. Nguyên tắc bố trí vốn

a. Căn cứ vào tổng dự toán của từng dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 và tình hình thực hiện các dự án; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ theo từng nội dung chính sách; trong đó xác định rõ nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, nguồn ngân sách địa phương, nguồn vốn của các chương trình, dự án, chính sách khác gửi Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

b. UBND tỉnh sẽ bố trí nguồn ngân sách địa phương thực hiện nhiệm vụ chi theo phân cấp để UBND các huyện thực hiện việc tổ chức ĐCĐC theo kế hoạch. UBND các huyện căn cứ tổng dự toán của từng dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ để ưu tiên cho những hạng mục cấp thiết. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh cân đối số kinh phí tăng của Quyết định phê duyệt dự án chi tiết của UBND tỉnh so với Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ để các huyện thực hiện hoàn thành dự án.



c. Tất cả các nguồn vốn được hỗ trợ đầu tư thực hiện các dự án ĐCĐC phải sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, đảm bảo thực hiện hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

d. Kế hoạch phân bổ vốn thực hiện hàng năm phải phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn của địa phương. Trong đó, nguồn vốn phải được bố trí thứ tự ưu tiên cho việc tạo ra quỹ đất, hỗ trợ trực tiếp cho từng hộ để giải quyết cho đồng bào DTTS ổn định cuộc sống trước, các hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng sẽ lần lượt thực hiện theo nhu cầu thực tế.

2. Tổng hợp và giao kế hoạch vốn

a. Cấp tỉnh: Trên cơ sở đề án tổng quan triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DTTS giai đoạn 2007 - 2010 và tiếp tục thực hiện đến năm 2015 được UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt. Ban Chỉ đạo Chương trình ĐCĐC tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn trong năm 2014 và năm 2015, trình UBND tỉnh phê duyệt.

b. Cấp huyện: Trên cơ sở dự án ĐCĐC chi tiết đã được UBND tỉnh phê duyệt, UBND các huyện chỉ đạo Ban Quản lý dự án Chương trình ĐCĐC và các phòng, ban của huyện xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2014 và năm 2015 trên địa bàn huyện, trình UBND tỉnh phê duyệt; trong đó ghi rõ các hạng mục công trình ưu tiên thực hiện trong tổng mức vốn phê duyệt theo Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ, gửi về Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình ĐCĐC của tỉnh (qua Ban Dân tộc tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính).

3. Công tác triển khai thực hiện ở các cấp

a. Cấp tỉnh: Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách tỉnh, Ban Chỉ đạo chương trình xem xét, tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn về cho các huyện thực hiện.

Giao Sở Tài chính chủ trì hướng dẫn nguồn vốn sự nghiệp; Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì hướng dẫn nguồn vốn đầu tư; phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua dự toán nguồn vốn phân bổ thực hiện chính sách của UBND các huyện trong dự toán ngân sách hàng năm của địa phương.

Giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách để tổng hợp, đánh báo cáo UBND tỉnh và cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

b. Cấp huyện: Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch vốn đã phân bổ và kế hoạch thực hiện chính sách hàng năm của huyện; UBND các huyện có trách nhiệm chủ động cân đối nguồn vốn, xem xét lồng ghép với nguồn vốn của chương trình khác để triển khai thực hiện.

Xây dựng kế hoạch thực hiện cho năm 2014 và năm 2015 của các dự án trên địa bàn huyện, gửi báo cáo nguồn vốn đã được phân bổ cho từng hạng mục công trình về

Ban Dân tộc tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để có kế hoạch theo dõi, giám sát việc thực hiện và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

c. Cấp xã: Phối hợp với Ban Quản lý chương trình ĐCĐC và các phòng, ban của huyện thực hiện việc rà soát đối tượng thụ hưởng cho chính xác; thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền chính sách đến tổ chức, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân để hiểu rõ chủ trương, chính sách và để người dân tham gia giám sát việc thực hiện chính sách.

Phối hợp thực hiện công tác vận động các hộ thụ hưởng chính sách di chuyển đến điểm ĐCĐC để ổn định cuộc sống.

Tham gia đề xuất các hạng mục cơ sở hạ tầng thiết yếu trong các điểm ĐCĐC trên địa bàn mình quản lý; đảm bảo khi các dự án ĐCĐC thực hiện, các hộ ĐCĐC khi được thụ hưởng các công trình phúc lợi công cộng như các điểm dân cư khác, có điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất, nhằm sớm ổn định cuộc sống.

Điều 7. Quản lý, cấp phát, thanh toán

Cấp phát, thanh toán kinh phí thực hiện các nội dung chính sách quy định tại Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg cho các đơn vị và các hộ thụ hưởng phải đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng, đặc biệt là những khoản thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt (hoặc hiện vật) cho các hộ; UBND cấp xã lập danh sách cho từng hộ thực hiện ĐCĐC ký nhận và thực hiện đầy đủ thủ tục, chứng từ theo chế độ quy định. Cụ thể:

1. Đối với hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng

a) Hỗ trợ vốn đầu tư

Tạm ứng, thanh toán vốn cho các dự án, công trình (bồi thường, giải phóng mặt bằng, san gạt đất ở, khai hoang đất sản xuất; xây dựng đường giao thông, điện, thủy lợi nhỏ, hệ thống nước sinh hoạt, lớp học, nhà mẫu giáo và nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản và một số công trình thiết yếu khác theo nhu cầu thực tế) được thực hiện theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Quản lý, cấp phát kinh phí hỗ trợ cán bộ phát triển cộng đồng và áp dụng khoa học kỹ thuật, giống mới thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Hỗ trợ trực tiếp hộ du canh, du cư thực hiện ĐCĐC

a) Về hỗ trợ làm nhà ở, công trình nước sinh hoạt, phát triển sản xuất và mua lương thực

- Đối với làm nhà ở và công trình nước sinh hoạt:

+ Trường hợp các hộ tự làm nhưng có nhu cầu tạm ứng kinh phí để mua vật liệu, UBND cấp xã tổng hợp danh sách các hộ đề nghị tạm ứng, cơ quan Tài chính làm thủ tục tạm ứng cho UBND cấp xã qua Kho bạc Nhà nước để UBND cấp xã tạm ứng cho các hộ. Mức tạm ứng tối đa bằng 60% tổng mức ngân sách nhà nước hỗ trợ cho từng hộ.

Khi công trình hoàn thành, căn cứ kết quả nghiệm thu đối với từng hộ có xác nhận của UBND cấp xã, cơ quan Tài chính cấp phát bằng lệnh chi tiền qua Kho bạc Nhà nước cho UBND cấp xã để thanh toán cho các hộ; đồng thời làm thủ tục thu hồi sổ đã tạm ứng.

+ Trường hợp các hộ có nhu cầu cung ứng vật liệu, UBND cấp xã tổng hợp nhu cầu vật liệu của các hộ. Căn cứ số lượng vật liệu các hộ đã đăng ký, điều kiện cụ thể của từng thôn, ấp trên địa bàn, UBND cấp xã (hoặc đơn vị được UBND cấp xã giao nhiệm vụ) ký hợp đồng với các đơn vị cung ứng vật liệu, đơn vị này thực hiện việc cung ứng cho các hộ tại thôn, ấp.

Căn cứ biên bản bàn giao khối lượng vật liệu đơn vị cung ứng cấp cho từng hộ (có ký nhận của chủ hộ, xác nhận của đại diện thôn, ấp) và đề nghị của UBND cấp xã; cơ quan Tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho các đơn vị cung ứng vật liệu theo chế độ hiện hành.

+ Trường hợp các hộ không có khả năng tự làm nhà ở, công trình nước sinh hoạt. Trên cơ sở sổ hộ đăng ký, điều kiện cụ thể của từng thôn, ấp, UBND cấp xã (hoặc đơn vị được UBND cấp xã giao nhiệm vụ) ký hợp đồng với nhà thầu (hoặc giới thiệu, hướng dẫn các hộ dân ký hợp đồng với nhà thầu) để làm nhà, công trình nước sinh hoạt cho các hộ.

Căn cứ biên bản bàn giao giữa nhà thầu và từng hộ (có ký nhận của chủ hộ, xác nhận của đại diện thôn, ấp) và đề nghị của UBND cấp xã; cơ quan Tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho nhà thầu theo chế độ hiện hành.

- Về hỗ trợ phát triển sản xuất, mua lương thực:

Căn cứ danh sách hỗ trợ các hộ dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đăng ký của các hộ dân về phương thức thực hiện; UBND cấp xã tổng hợp nhu cầu và phân loại theo từng phương thức thực hiện (Nhận bằng hiện vật hoặc nhận bằng tiền) gửi cơ quan Tài chính làm căn cứ kiểm tra, kiểm soát, cấp phát kinh phí để thực hiện. Việc cấp phát, thanh toán theo các phương thức sau:

+ Đối với các hộ nhận bằng hiện vật: Trên cơ sở danh sách đăng ký của các hộ, hợp đồng cung ứng giữa đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ với đơn vị cung ứng; biên bản bàn giao khối lượng thực tế cấp cho các hộ giữa đơn vị cung ứng và từng hộ (có ký nhận của chủ hộ, xác nhận của đại diện thôn, ấp) và đề nghị của UBND cấp xã, cơ quan Tài chính kiểm tra, lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho các đơn vị cung cấp.

+ Đối với các hộ nhận bằng tiền: Căn cứ danh sách các hộ đăng ký có xác nhận của UBND cấp xã, cơ quan Tài chính thực hiện cấp phát bằng lệnh chi tiền qua Kho bạc Nhà nước cho UBND cấp xã để thanh toán tiền cho các hộ dân.

b) Hỗ trợ hộ tạo nền nhà (ở những điểm ĐCĐC xen ghép) và hỗ trợ kinh phí di chuyển: Căn cứ danh sách các hộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND cấp xã chỉ đạo các hội, đoàn thể tại địa phương phối hợp với cộng đồng dân cư hướng dẫn giúp đỡ các hộ dân thực hiện. Cơ quan Tài chính căn cứ kết quả kiểm tra, nghiệm thu

khối lượng, dự án (nếu có) của UBND cấp xã, thẩm định và thực hiện cấp phát bằng lệnh chi tiền qua Kho bạc Nhà nước cho UBND cấp xã để thanh toán cho các hộ.

Điều 8. Báo cáo kế toán và quyết toán

Số kinh phí Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương thực hiện Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ được hoạch toán, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương theo quy định hiện hành.

UBND cấp xã, Phòng Tài chính huyện có trách nhiệm phối hợp với Kho bạc Nhà nước và các cơ quan liên quan tổ chức theo dõi tình hình cấp phát vốn thực hiện Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ; hàng tháng UBND cấp xã, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện báo cáo UBND cấp huyện kết quả, tiến độ thanh toán vốn gửi Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Giao Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể cho các Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện; Kho bạc Nhà nước tỉnh hướng dẫn cụ thể cho Kho bạc Nhà nước huyện về công tác quản lý, cấp phát và thanh quyết toán nguồn vốn đầu tư của Chương trình.

Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo chương trình ĐCĐC cấp tỉnh và cấp huyện gồm các khoản chi: Công tác phí, kiểm tra giám sát, tổng hợp báo cáo, hội nghị,... được giao theo chỉ tiêu hàng năm cho Ban Chỉ đạo các cấp.

Điều 9. Quy định về phân cấp quản lý

1. Cấp tỉnh

Ban Chỉ đạo chương trình ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trong việc triển khai thực hiện chính sách ĐCĐC trên địa bàn tỉnh.

Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo của chương trình (Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 15/7/2013 của UBND tỉnh Bình Phước), có trách nhiệm phối hợp với các thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ sau:

a. Hướng dẫn các huyện xây dựng kế hoạch về các dự án ĐCĐC trên địa bàn, triển khai thực hiện theo kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn.

b. Tổng hợp, xây dựng kế hoạch dự toán Ngân sách Nhà nước thực hiện chính sách ĐCĐC trên địa bàn, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

c. Tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện theo dõi các dự án ĐCĐC theo kế hoạch, đảm bảo việc thực hiện mang lại hiệu quả, bền vững, không để thất thoát; đề xuất xử lý các hành vi tiêu cực, vi phạm chính sách pháp luật; tổng hợp tình hình thực hiện chính sách, báo cáo UBND tỉnh.

d. Trên cơ sở hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, tham mưu đề xuất với UBND tỉnh ban hành các quy định về huy động, lồng ghép các nguồn lực khác, hướng dẫn thực hiện chính sách phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Cấp huyện

UBND cấp huyện là cấp quản lý, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát tình hình thực hiện chính sách ĐCĐC trên địa bàn huyện. Ngoài việc thành lập Ban Chỉ đạo chương trình ĐCĐC; UBND các huyện quyết định thành lập Ban Quản lý dự án chương trình ĐCĐC; đồng thời chỉ đạo các phòng, ban của huyện phối hợp với UBND các xã thực hiện một số nhiệm vụ sau:

a. Chủ động trong việc quy hoạch tạo ra quỹ đất để triển khai thực hiện các dự án ĐCĐC cho đồng bào DTTS theo Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

b. Công bố công khai các khu vực, tiêu chuẩn, đối tượng đủ điều kiện được thụ hưởng chính sách ĐCĐC.

c. Chỉ đạo Ban Quản lý dự án chương trình ĐCĐC và các phòng, ban của huyện phối hợp với UBND cấp xã điều tra lập danh sách các hộ đồng bào DTTS đủ điều kiện thụ hưởng chính sách, chịu trách nhiệm về số hộ được thụ hưởng chương trình ĐCĐC.

d. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo tiến độ thực hiện và những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện về UBND tỉnh (qua Ban Dân tộc tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính) để có hướng chỉ đạo việc thực hiện.

3. Cấp xã

Phối hợp với Ban Quản lý dự án chương trình ĐCĐC và các phòng, ban của huyện thực hiện việc điều tra, bình xét đối tượng thụ hưởng chính sách, cùng chịu trách nhiệm trước UBND huyện về đối tượng thụ hưởng. Tham gia giám sát việc thực hiện chính sách trên địa bàn, đảm bảo việc thực hiện chính sách đúng đối tượng, các công trình đầu tư đạt chất lượng đúng theo quy định. Đảng ủy, HĐND và các tổ chức, đoàn thể của cấp xã phối hợp tham gia thực hiện công tác vận động, tuyên truyền việc thực hiện chính sách đến từng hộ dân, nhằm đảm bảo việc thực hiện chính sách mang lại hiệu quả cao.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh:

a) Hướng dẫn UBND các huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện các dự án ĐCĐC, đối tượng thực hiện ĐCĐC trên địa bàn, triển khai thực hiện theo kế hoạch hàng năm.

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, xây dựng Kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước thực hiện chính sách ĐCĐC của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh.

c) Ban hành các quy định về huy động, lồng ghép nguồn lực thực hiện chính sách phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

d) Tổ chức thực hiện và kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện các dự án ĐCĐC theo kế hoạch, đảm bảo hiệu quả và bền vững; tổng hợp kết quả thực hiện chính sách, báo cáo UBND tỉnh.

e) Ban Dân tộc tỉnh – cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo của Chương trình ĐCĐC của tỉnh có trách nhiệm tổng hợp tình hình thực hiện chương trình theo định kỳ, báo cáo Ban Chỉ đạo CTMTQG giảm nghèo bền vững của tỉnh, UBND tỉnh và tham mưu UBND tỉnh báo cáo các cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

2. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, UBND huyện và Kho bạc Nhà nước tỉnh báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện chương trình, tiến độ giải ngân vốn, những khó khăn tồn tại, đề xuất giải pháp khắc phục (qua Ban Dân tộc tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính).

(Lưu ý: Ban Quản lý dự án chương trình ĐCĐC của huyện, hàng tháng, hàng quý phải báo cáo tiến độ thực hiện về UBND huyện và các phòng, ban chuyên môn của huyện).

Phòng Tài chính - Kế hoạch của huyện, Kho bạc Nhà nước huyện thực hiện việc báo cáo định kỳ cho hệ thống quản lý ngành dọc của mình về tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng vốn của chương trình.

Kết thúc kế hoạch năm và kết thúc Chương trình, UBND các huyện lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DTTS giai đoạn 2007 - 2010 và tiếp tục thực hiện đến 2015 của huyện mình về Ban Chỉ đạo chương trình của tỉnh (qua Ban Dân tộc tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và các cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

Điều 11. Điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc (hoặc những quy định trên không còn phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương); các địa phương, đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trăm

